

**KHOA – MÔN HỌC THỰC HIỆN KIỂM TRA HỌC LỰC LƯU HỌC SINH NƯỚC NGOÀI TỰ TỨC NĂM 2010  
ĐẠI HỌC YAMAGATA**

| Tên khoa (Môn học, khóa học)         |                                     | Kỳ thi du học Nhật Bản   |  | Kiểm tra học lực cá nhân                                      |
|--------------------------------------|-------------------------------------|--|--|---|
|                                      |                                     | Khoa và Môn thi sử dụng  | Ngôn ngữ dùng ra đề  |   |
| Khoa nhân văn                        | Môn văn hóa dân gian                | 1.Tiếng Nhật, 2. Môn tổng hợp, 3. Toán (khóa 1)  |  | Phòng vấn (Bao gồm thi vấn đáp)                               |
|                                      | Môn chính sách kinh tế              |  |  | Phòng vấn   |
| Khoa văn hóa giáo dục khu vực        | Môn giáo dục khu vực                | (1. Tiếng Nhật, 2. Môn tổng hợp, 3.Toán (Khóa 1 hoặc khóa 2) ) hoặc là<br>(1. Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên ( 2 trong 3 môn:Vật lí, Hóa học, Sinh vật ) , 3. Toán (Khóa 1 hoặc khóa 2 ) |  | Phòng vấn (Bao gồm thi vấn đáp)                               |
|                                      | Môn sáng tạo văn hóa                | Khóa học nghệ thuật âm nhạc  | 1.Tiếng Nhật, 2. Môn tổng hợp , 3. Toán ( khóa 1 hoặc khóa 2 )                                     | Kiểm tra kĩ năng thực hành<br>Phòng vấn (Bao gồm thi vấn đáp) |
|                                      |                                     | Khóa học nghệ thuật tạo hình   |  |   |
|                                      |                                     | Khóa học văn hóa thể thao  |  |   |
|                                      |                                     | Khóa học giao lưu các nền văn hóa  |  |   |
|                                      | Môn tổng hợp đời sống               | Khóa học thiết kế không gian âm thực   | 1.Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên ( 2 trong 3 môn:Vật lí, Hóa học, Sinh vật ) , 3. Toán ( khóa 2) | Phòng vấn (Bao gồm thi vấn đáp)                               |
| Khóa học về khoa học môi trường sống |                                     |  |  |   |
| Khóa học hệ thống thông tin          |                                     |  |  |   |
| Khoa Khoa học tự nhiên               | Môn Lý thuyết số                    | 1. Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên ( 2 trong 3 môn:Vật lí, Hóa học, Sinh vật ), 3. Toán ( Khóa 2 )  |  | Không có  |
|                                      | Môn vật lý                          | 1. Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên (Vật lý và 1 môn là Hóa học hoặc Sinh vật ) , 3. Toán ( Khóa 2 )   |  |   |
|                                      | Môn vật liệu và cuộc sống           | 1. Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên (Hóa học và 1 môn là Vật lý hoặc Sinh vật ) , 3. Toán ( Khóa 2 )   |  |   |
|                                      | Môn sinh vật                        | 1. Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên (Sinh vật và 1 môn Vật lí hoặc Hóa học), 3. Toán (Khóa 2 )   |  |   |
|                                      | Môn môi trường trái đất             | 1. Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên (2 trong 3 môn: Vật lí và Hóa học, Sinh vật ) , 3. Toán (Khóa 2 )  |  |   |
| Khoa y học                           | Môn y học                           | 1. Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên (2 trong 3 môn: Vật lí, Hóa học, Sinh vật), 3. Toán (Khóa 2 )  |  | Không có  |
|                                      | Môn điều dưỡng                      |  |  | Tiếng Nhật  |
| Khoa kỹ thuật công nghiệp Khóa A     | Môn công nghệ chức năng cao phân tử | 1. Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên (2 trong 3 môn: Vật lí, Hóa học, Sinh vật ) , 3. Toán (Khóa 2 )  | Tiếng Nhật   | Phòng vấn (bao gồm thi vấn đáp)                               |
|                                      | Môn công nghệ vật chất hóa học      |  |  |   |
|                                      | Môn công nghệ hệ thống máy          |  |  |   |
|                                      | Môn công nghệ Điện- Điện tử         |  |  |   |
|                                      | Môn khoa học thông tin              |  |  |   |
|                                      | Môn Công nghệ hệ thống ứng dụng     |  |  |   |
| Khoa Nông nghiệp                     | Môn sản xuất sinh vật               | 1. Tiếng Nhật, 2. Khoa học tự nhiên (2 trong 3 môn: Vật lí, Hóa học, Sinh vật), 3. Toán (Khóa 2)   |  | Không có  |
|                                      | Môn tài nguyên sinh vật             |  |  |   |
|                                      | Môn môi trường sinh vật             |  |  |   |

(Chú ý)

- Kết quả kì thi du học Nhật bản sẽ dùng làm kết quả mà chính thí sinh đã chọn 1 trong 2 kỳ thi: kì thi tháng 6 hoặc kỳ thi tháng 11 năm 2009 (Năm Bình Thành thứ 21) trong bản đăng ký nguyện vọng
- Đối với ngành Y – khoa Y học: phạm vi ra đề và tên môn thi của môn Toán, Lý trong kì kiểm tra học lực cá nhân được đánh dấu như sau:
  - Toán:
    - Tên môn thi: Toán I, Toán II, Toán III, Toán A, Toán B, Toán C
    - Phạm vi ra đề Toán B (dãy số, Véc tơ), Toán C (Ma trận và ứng dụng của ma trận), (Công thức và đường cong).
  - Khoa học tự nhiên:
    - Tên môn thi: Chọn 2 môn trong các môn: Vật lí I, Vật lí II ; Hóa học I, Hóa học II; Sinh vật I, Sinh vật II
    - Phạm vi ra đề: Vật lí II ( Lực và chuyển động), (Điện và Từ tính), (Vật chất và hạt nhân nguyên tử, hoạt động của phân tử), Sinh vật II (Toàn bộ chương mục. Bên cạnh đó, sẽ chọn 1 trong các phần sau khi ra đề “Các loài và sự tiến hóa của sinh vật” và “Quản thể sinh vật” .
- Các khoa khác ( Môn học, Khóa học ) điều kiện ra đề phải đủ điều kiện cần sau:
  - Khoa nhân văn: Tất cả các môn: Tiếng Nhật ( tổng các môn nghe, đọc hiểu, nghe đọc hiểu ); môn tổng hợp, Toán ( Khóa 1) phải đạt điểm trung bình trở lên trong kì thi lưu học sinh Nhật bản tháng 6 hoặc tháng 11 năm Bình Thành 21( tức năm 2009)
  - Khoa văn hóa giáo dục khu vực:
    - Đối với khóa giao lưu các nền văn hóa môn giáo dục khu vực và môn sáng tạo văn hóa, tất cả các môn học chỉ định trong khóa đó phải đạt điểm trung bình trở lên trong kì thi lưu học sinh Nhật bản tháng 6 hoặc tháng 11 năm Bình Thành 21 ( tức năm 2009 ). Hơn nữa điểm tiếng Nhật phải đạt tổng hợp các môn nghe, nghe- đọc hiểu, đọc hiểu.
    - Môn sáng tạo văn hóa (trừ khóa giao lưu các nền văn hóa) và môn tổng hợp đời sống phải có điểm tổng các môn được chỉ định là trên 400 điểm trở lên trong kì thi lưu học sinh Nhật bản tháng 6 hoặc tháng 11 năm Bình Thành 21 (tức năm 2009). Hơn nữa, điểm tiếng Nhật phải đạt tổng hợp các môn nghe, nghe- đọc hiểu, đọc hiểu.
  - Khoa Khoa học tự nhiên
    - Môn Tiếng Nhật ( Tổng hợp các môn nghe, nghe-đọc hiểu, đọc hiểu ), môn khoa học tự nhiên (mỗi môn trong 2 môn), Toán ( khóa 2 ) phải đạt điểm trên trung bình trở lên trong kì thi lưu học sinh Nhật bản tháng 6 hoặc tháng 11 năm Bình Thành 21 ( tức năm 2009 )
    - Ngoài kì thi lưu học sinh Nhật Bản năm 2009 thì còn phải thi TOEFL và thành tích thi TOEFL phải đạt các điểm sau:  
Paper-Based Testing ( PBT) 450 điểm trở lên hoặc Internet-Based Testing (iBT) 45 điểm trở lên
  - Khoa Y học : Môn tiếng Nhật ( tổng hợp môn nghe, nghe-đọc hiểu, đọc hiểu ); môn khoa học tự nhiên ( mỗi môn trong 2 môn ), môn toán ( khóa 2 ) phải đạt điểm trên trung bình trong kì thi lưu học sinh Nhật bản tháng 6 hoặc tháng 11 năm Bình Thành 21(tức năm 2009).
  - Khoa Kỹ thuật công nghiệp:
    - Trong kì thi lưu học sinh Nhật Bản vào tháng 6 hoặc tháng 11 năm 2009 thì thành tích các môn học sau phải đạt:  
Tiếng Nhật ( tổng hợp nghe, nghe- đọc hiểu, đọc hiểu ) 200 điểm trở lên, Khoa học tự nhiên ( tổng điểm 2 môn) 100 điểm trở lên, Toán ( Khóa học 2 ) 100 điểm trở lên.
    - Ngoài kì thi lưu học sinh Nhật Bản năm 2009 còn phải thi TOEF, thành tích thi TOEFL phải đạt điểm như sau:  
Paper-Based Testing ( PBT ) 450 điểm trở lên hoặc Internet-Based Testing ( iBT ) 45 điểm trở lên.
  - Khoa Nông nghiệp: Ngoài kì thi lưu học sinh Nhật Bản năm 2009 thì còn phải thi TOEF hoặc TOEIC và thành tích thi TOEFL hoặc TOEIC phải đạt điểm như sau:  
Paper-Based Testing (PBT) 410 điểm trở lên hoặc Internet-Based Testing (iBT) 34 điểm TOEIC: 330 điểm trở lên.